

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 138/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn B - sinh năm: 1978

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị L- sinh năm: 1982

Đều có địa chỉ: khu 2, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- *Người có quyền lợi liên quan đến vụ án*: Ngân hàng chính sách Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C.

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn X- Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C- tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 37, Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức Q- sinh ngày 01/5/2004, Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh B không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung; Công sức, đất nông nghiệp*: Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. *Về nghĩa vụ chung về tài sản*: Anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền gốc còn lại là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) và lãi suất, thời hạn vay 60 tháng, cho đến khi trả nợ xong. Chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán tiền trả nợ gốc cho anh B số tiền là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), thời hạn thanh toán vào ngày 25/6/2020.

3. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn B xin chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003634 ngày 10/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh Nguyễn Văn B được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm đã tạm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Thi hành án DS;
- UBND xã T;
- Lưu HS

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo

- Luvu VP.